

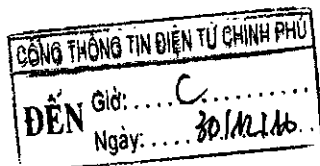
CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ ĐỊNH****Quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng ban hành kèm theo Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (sửa đổi, bổ sung năm 2002);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc công bố, tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác các loại tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng sau đây:

1. Tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế và tàu biển nước ngoài hoạt động tại các vùng biển Việt Nam và vùng nước cảng biển (sau đây gọi chung là tàu biển), bao gồm: Tàu chở khách; tàu chở hàng có tổng dung tích từ 500 trở lên.

2. Giàn di động hoạt động trên tuyến quốc tế.

3. Cơ sở cảng tiếp nhận các loại tàu biển quy định tại khoản 1 và giàn di động quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ sở cảng quy định tại Nghị định này bao gồm: Cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận tàu biển nước ngoài, bến phao, cảng dầu khí ngoài khơi, ụ nổi và kho chứa nổi tiếp nhận tàu biển vào hoạt động.

2. Sự cố an ninh hàng hải là bất kỳ hành động hoặc tình huống khả nghi nào mà đe dọa đến an ninh của tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

3. Cấp độ an ninh hàng hải là mức độ nguy hiểm của một sự cố an ninh hàng hải sẽ xảy ra đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

Chương II CẤP ĐỘ AN NINH HÀNG HẢI

Điều 4. Cấp độ an ninh hàng hải

Cấp độ an ninh hàng hải được phân chia thành 03 cấp, gồm:

1. Cấp độ 1: Là cấp độ thông thường, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh tối thiểu trong điều kiện hoạt động bình thường của tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

2. Cấp độ 2: Là cấp độ cao, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh cao hơn trong thời gian có nguy cơ cao về sự cố an ninh đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

3. Cấp độ 3: Là cấp độ đặc biệt, yêu cầu áp dụng các biện pháp an ninh đặc biệt trong thời gian có thể hoặc sắp xảy ra sự cố an ninh đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

Điều 5. Duy trì và thay đổi cấp độ an ninh hàng hải

1. Cấp độ 1 được duy trì thường xuyên trên các tàu biển Việt Nam, giàn di động và tại các cơ sở cảng Việt Nam.

2. Các cấp độ an ninh hàng hải có thể thay đổi theo thứ tự từ cấp độ 1 lên cấp độ 2 và cấp độ 3 hoặc cũng có thể chuyển trực tiếp từ cấp độ 1 lên cấp độ 3, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

3. Cấp độ 3 chỉ áp dụng trong thời gian có thông tin đáng tin cậy, nhận biết rõ sự cố an ninh có thể hoặc sắp xảy ra đối với tàu biển, giàn di động hoặc cơ sở cảng.

4. Việc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải phải được thực hiện theo công bố của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và được thông báo kịp thời cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 6. Cơ quan công bố, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển chịu trách nhiệm công bố cấp độ hoặc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định này.

2. Bộ Công an cung cấp các thông tin cần thiết cho Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển để công bố cấp độ hoặc thay đổi cấp độ an ninh hàng hải đối với cơ sở cảng.

Điều 7. Tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin về cấp độ an ninh hàng hải

Việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin về cấp độ an ninh hàng hải được thực hiện theo quy trình như sau:

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có trách nhiệm thông báo về cấp độ, sự thay đổi về cấp độ an ninh hàng hải cho Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải (sau đây viết tắt là Trung tâm).

2. Ngay sau khi nhận được các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, Trung tâm phải chuyển tiếp các thông tin đó đến các tổ chức, cá nhân sau:

- a) Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;
- b) Cán bộ an ninh của chủ tàu;
- c) Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia có liên quan, đồng thời thông báo cho Cục Lãnh sự thuộc Bộ Ngoại giao (sau đây viết tắt là Cục Lãnh sự).

Trong trường hợp Trung tâm không thể liên lạc được với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu biển hoặc giàn di động mang cờ quốc tịch thì sẽ thông qua Cục Lãnh sự để thông báo cho các cơ quan có liên quan của quốc gia đó biết.

3. Xử lý ngay sau khi nhận được thông tin do Trung tâm truyền phát:

a) Các Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa phải thông báo cho cán bộ an ninh của cơ sở cảng và tàu biển, giàn di động dự kiến sẽ đến hoặc đang hoạt động tại cơ sở cảng thuộc khu vực quản lý, Bộ đội Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Công an cửa khẩu cảng;

b) Cán bộ an ninh của chủ tàu phải thông báo cho sĩ quan an ninh tàu biển do mình quản lý biết để áp dụng cấp độ an ninh hàng hải cho tàu biển, giàn di động.

4. Các tàu biển, giàn di động và cơ sở cảng phải triển khai kế hoạch an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III **TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ TRUYỀN PHÁT** **THÔNG TIN AN NINH HÀNG HẢI**

Điều 8. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải

1. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, thực hiện chức năng là cơ quan thường trực của Việt Nam tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải theo quy định của Nghị định này, Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (sau đây viết tắt là Bộ luật ISPS) và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Nhiệm vụ chủ yếu của Trung tâm, bao gồm:

a) Tiếp nhận thông tin về cấp độ, thay đổi cấp độ an ninh hàng hải, thông tin an ninh hàng hải từ Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Bộ Công an để truyền phát đến tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng và các cơ quan có liên quan khác của Việt Nam cũng như cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, khi được yêu cầu;

b) Tiếp nhận thông tin an ninh hàng hải từ tàu biển, giàn di động, cơ sở cảng hoặc từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, hoặc từ tổ chức, cá nhân khác và thông báo kịp thời cho Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan khác của Việt Nam. Trường hợp tiếp nhận thông tin từ tàu biển, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó;

c) Tiếp nhận thông tin an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển do hoạt động của tàu biển;

d) Thực hiện việc trao đổi thông tin liên quan đến an ninh hàng hải giữa Việt Nam với các tổ chức an ninh hàng hải quốc tế;

đ) Tham gia diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải, thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải với các cơ quan, doanh nghiệp trong nước và các tổ chức phòng, chống khủng bố của nước ngoài theo quy định;

e) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và tổ chức có liên quan thực hiện các công việc khác liên quan đến thông tin an ninh hàng hải;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về tổ chức bộ máy và biên chế của Trung tâm.

4. Kinh phí hoạt động của Trung tâm do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 9. Tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải

1. Ngay sau khi nhận được thông tin “báo động an ninh” từ tàu biển, giàn di động hoặc yêu cầu hỗ trợ bảo đảm an ninh từ tàu biển, giàn di động đang hoạt động tại vùng biển Việt Nam, từ cảng dầu khí ngoài khơi hoặc từ cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu biển, giàn di động mang cờ quốc tịch, Trung tâm phải chuyển tiếp kịp thời đến Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển.

2. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển phải xử lý ngay thông tin vừa nhận được và kịp thời thông báo cho Trung tâm các biện pháp an ninh phù hợp cần áp dụng đối với tàu biển, giàn di động đang hoạt động tại vùng biển Việt Nam, tàu biển đang hoạt động tại cảng dầu khí ngoài khơi để Trung tâm truyền phát những thông tin đó đến chủ tàu, chủ cơ sở cảng Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu biển, giàn di động mang cờ quốc tịch nếu có yêu cầu, đồng thời thông báo cho Cục Lãnh sự biết.

Trong trường hợp Trung tâm không thể liên lạc được với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu biển, giàn di động mang cờ quốc tịch thì sẽ thông qua Cục Lãnh sự để thông báo cho các cơ quan có liên quan của quốc gia đó biết.

3. Ngay sau khi nhận được thông tin có khả năng ảnh hưởng đến an ninh cơ sở cảng trừ cảng dầu khí ngoài khơi, cơ sở cảng phải thông báo ngay cho cơ quan công an tại địa phương để kịp thời xử lý, đồng thời thông báo cho Bộ đội Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc Công an cửa khẩu cảng, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa tại khu vực và Trung tâm biết để kịp thời phối hợp xử lý.

4. Việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải giữa cán bộ an ninh của chủ tàu với chủ tàu, chủ cơ sở cảng và các cơ quan liên quan được thực hiện theo Kế hoạch an ninh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Cơ chế phối hợp tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải

1. Việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải giữa Trung tâm, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Công an và các cơ quan có liên quan với các chủ cơ sở cảng, chủ tàu phải bảo đảm thông suốt 24/24 giờ trong ngày, kịp thời, chính xác, đúng quy định của pháp luật về bảo mật, bằng các phương thức phù hợp (điện thoại, fax, email, bưu chính). Địa chỉ liên lạc thực hiện theo danh mục thông tin liên lạc an ninh hàng hải do Cục Hàng hải Việt Nam thông báo.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải, nếu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khác thì hai bên có trách nhiệm chủ động trao đổi thống nhất và phối hợp thực hiện.

3. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Bộ Công an thông báo cho Trung tâm và các cơ quan có liên quan (nếu có yêu cầu) biết kết quả xử lý thông tin an ninh hàng hải.

Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị: Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Trung tâm, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa khu vực, chủ tàu, chủ cơ sở cảng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Nghị định này, Bộ luật ISPS và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và các cơ quan, đơn vị liên quan hàng năm tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trong vùng nước của cơ sở cảng, diễn tập kết nối thông tin an ninh hàng hải giữa Trung tâm với các tổ chức phòng, chống khủng bố, các cơ quan, đơn vị trong nước cũng như nước ngoài.

3. Hướng dẫn việc xây dựng và phê duyệt Kế hoạch an ninh tàu biển, giàn di động và cơ sở cảng theo quy định của Bộ luật ISPS.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trên các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

2. Chỉ đạo Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan, tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trong vùng nước của cơ sở cảng, diễn tập kết nối thông tin an ninh hàng hải giữa Trung tâm với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển đang hoạt động tại cảng dầu khí ngoài khơi.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ định và hướng dẫn các cơ quan và đơn vị trực thuộc phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo đảm an ninh hàng hải cho cán bộ an ninh cơ sở cảng và phối hợp tổ chức diễn tập các tình huống sự cố an ninh hàng hải trong vùng nước của cơ sở cảng, diễn tập kết nối thông tin an ninh hàng hải giữa Trung tâm với các cơ quan, đơn vị có liên quan tại các cơ sở cảng trừ cảng dầu khí ngoài khơi và trên tàu biển, giàn di động đang hoạt động.

2. Công bố danh mục cơ quan công an tại địa phương để phối hợp triển khai nội dung liên quan đến lĩnh vực an ninh hàng hải.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các bộ, ngành và các cơ quan liên quan thực hiện Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chỉ đạo Cục Lãnh sự, các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các cơ quan chức năng của nước sở tại trong việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin về cấp độ, thông tin an ninh hàng hải liên quan đến tàu biển Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan có trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý và truyền phát thông tin an ninh hàng hải.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ tàu biển Việt Nam, chủ cơ sở cảng và chủ giàn di động

1. Chủ tàu biển Việt Nam và chủ giàn di động có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Trung tâm và các cơ quan có liên quan kịp thời xác minh thông tin an ninh hàng hải và tình trạng thực tế của "báo động an ninh" phát ra từ tàu biển, giàn di động do cơ quan, đơn vị mình quản lý, khai thác;

b) Bảo đảm thiết bị an ninh của tàu, giàn di động được duy trì hoạt động 24/24 giờ trong ngày và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để hệ thống báo động an ninh của tàu biển, giàn di động thuộc quyền quản lý, khai thác phát "báo động an ninh" không đúng với tình trạng an ninh thực tế, trừ trường hợp tàu biển đang được sửa chữa trên đà, ụ nổi.

2. Chủ tàu biển Việt Nam, chủ cơ sở cảng và chủ giàn di động có trách nhiệm:

a) Cung cấp kịp thời cho Trung tâm địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và danh sách cán bộ an ninh cơ sở cảng; danh sách cán bộ an ninh của chủ tàu; danh sách cán bộ an ninh của giàn di động và danh sách tàu biển do chủ tàu quản lý, khai thác; kịp thời cập nhật địa chỉ, danh sách khi có thay đổi;

b) Cung cấp kịp thời, nhanh chóng và chính xác các thông tin an ninh hàng hải cho Trung tâm và các cơ quan có liên quan; tổ chức diễn tập, thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải và thử thiết bị "báo động an ninh" theo quy định;

c) Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định này, Bộ luật ISPS và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ Quyết định số 125/2004/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố, tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh hàng hải và Quyết định số 11/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 125/2004/QĐ-TTg về việc công bố, tiếp nhận, truyền phát và xử lý thông tin an ninh hàng hải.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (3b)_{KN} 25

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc